

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG ANA  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2022/DS-ST  
Ngày 01 tháng 7 năm 2022  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hữu Soái.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thế Chiến và ông Vũ Kim Quy.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2022/TLST- DS ngày 26 tháng 01 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-DS ngày 13/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: đường H, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 7 năm 2021 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L trình bày:

Ngày 06/10/2020, bà Phạm Thị T có vay của ông số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng, kể từ ngày 06/10/2020 đến ngày 06/02/2021, lãi suất theo thỏa thuận. Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng công chứng S, địa chỉ tại thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/10/2020, ông đã giao đủ số tiền 100.000.000 đồng cho bà T tại Văn phòng công chứng S vào ngày 08/10/2020.

Đến hạn trả nợ như cam kết, ông nhiều lần đòi nợ nhưng bà T chưa trả cho ông khoản tiền gốc và tiền lãi nào.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Phạm Thị T phải trả cho ông số nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) kể từ ngày cho vay 08/10/2020 đến ngày xét xử:  $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 20 \text{ tháng} = 17.236.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng tiền gốc và lãi phải trả là: 117.236.000 đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể làm việc và lấy lời khai đối với bà T.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Bị đơn cư trú tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay 08/10/2020 đến ngày xét xử là 17.236.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn bà Phạm Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn vay tiền của nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ, không trả được nợ theo thỏa thuận, nguyên đơn đã khởi kiện đòi nợ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được thông báo, triệu tập hợp nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp, phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng cố tình vắng mặt. Đây là lần thứ 02 bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Phạm Thị T phải trả tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 10%/năm kể từ ngày vay đến ngày xét xử vụ án, về chứng cứ nguyên đơn giao nộp bản gốc hợp đồng cho vay tiền được công chứng vào ngày 08/10/2020 tại Văn phòng công chứng S, địa chỉ thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Như vậy, căn cứ vào hợp đồng cho vay tiền giữa các bên được công chứng vào ngày 08/10/2020 tại văn phòng công chứng S, thì bà Phạm Thị T có vay của ông Nguyễn Hữu L số tiền 100.000.000 đồng là có thật. Quá trình vay tiền, đến hạn trả nợ nhưng bà T không trả nợ cho ông L là vi phạm nghĩa vụ của bên vay quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Ông L khởi kiện để đòi nợ là có căn cứ. Cần buộc bà Phạm Thị T phải trả nợ cho ông L số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày vay đến ngày xét xử vụ án. Tại Điều 3 của hợp đồng cho vay tiền, hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi mức lãi suất cụ thể. Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, cần buộc bị đơn ngoài trả tiền gốc còn phải trả lãi với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) kể từ ngày vay đến ngày xét xử vụ án là:  $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 20 \text{ tháng} = 17.236.000 \text{ đồng}$ .

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, số tiền là 5.861.800 đồng.

Nguyên đơn, ông Nguyễn Hữu L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào: Khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L.

Buộc bà Phạm Thị T phải trả cho ông Nguyễn Hữu L số tiền 117.236.000<sup>d</sup> (*một trăm mười bảy triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng*). Trong đó: Tiền gốc 100.000.000 đồng; tiền lãi 17.236.000 đồng.

Kể từ ngày 02/7/2022, bà Phạm Thị T còn phải trả cho ông Nguyễn Hữu L tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 cho đến khi trả hết nợ.

2/ Về án phí: Buộc bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền 5.861.800 đồng (*năm triệu tám trăm sáu mươi một nghìn tám trăm đồng*).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu L số tiền tạm ứng án phí 2.500.000<sup>d</sup> (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, biên lai số 7404 ngày 24/01/2022.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Hữu Soái**